

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

52

CHÚA MINH - CHÚA NINH



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
LÊ VĂN NĂM
Họa sĩ
TÔ HOÀI ĐẠT



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 52: CHÚA MINH - CHÚA NINH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN DO THƯ VIỆN KHTH TP.HCM THỰC HIỆN
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Chúa Minh – chúa Ninh / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Lê Văn Năm biên soạn. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2014.

92tr. ; 20cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.52).

1. Nguyễn Phúc Chu, 1675-1725. 2. Việt Nam -- Lịch sử -- 1592-1788. 3. Việt Nam -- Vua và quần thần. I. Trần Bạch Đằng. II. Lê Văn Năm. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Nguyễn Phúc Chu, 1675--1725. 2. Vietnam -- History --1592-1788. 3. Vietnam -- King and rulers.

959.70272 -- dc 22
C559

LỜI GIỚI THIỆU

Sau những năm tháng dài Trịnh – Nguyễn phân tranh làm kiệt quệ về cả sức người, sức của, Đàng Trong và Đàng Ngoài chấp nhận đình chiến, lấy sông Gianh làm ranh giới phân chia đất nước. Nguyễn Phúc Chu lên ngôi chúa khi Trịnh – Nguyễn đã đình chiến, tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho Đàng Trong phát triển. Chúa ra sức mở rộng lãnh thổ của Đàng Trong xuống phương Nam, xác định chủ quyền của nước ta với Hoàng Sa, Trường Sa; chiêu hiền đãi sĩ, nhẹ thuế má lao dịch, giảm hình phạt,... Đặc biệt, người còn có những đóng góp to lớn trong việc phát triển Phật giáo ở Đàng Trong, qua các sự kiện mời hòa thượng Thạch Liêm mở giới đàn cho tăng ni ở Phú Xuân, đúc chuông Thiên Mụ và viết bài minh khắc vào chuông.

Chúa Nguyễn Phúc Chu mất, con trưởng người là Nguyễn Phúc Chú lên nối ngôi, tiếp tục sự nghiệp phát triển Đàng Trong. Mặc Cửu mất, chúa cho con là Mạc Thiên Tứ làm Tổng binh Đại Đô đốc trấn Hà Tiên, để giữ gìn và mở mang xứ ấy. Đây cũng là nền tảng quan trọng cho việc mở mang vùng đồng bằng sông Cửu Long sau này.

Những nội dung trên được truyền tải trong tập 52 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Chúa Minh – Chúa Ninh”** phần lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do Tô Hoài Đạt thể hiện.

Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 52 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.

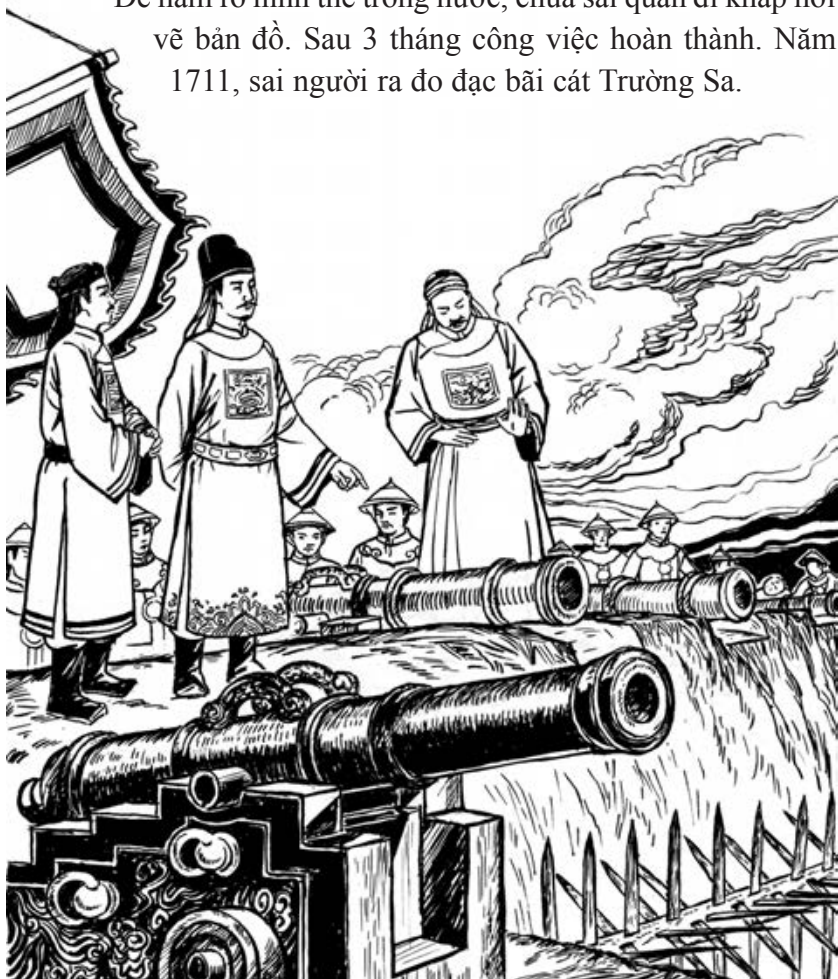
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Nguyễn Phúc Chu là con trưởng của Nguyễn Phúc Trấn, sinh năm Ất Mão (1675), từ nhỏ đã nức tiếng văn hay chữ tốt, lớn lên đủ tài lược văn võ. Tháng Giêng năm Tân Mùi (1691), chúa Nghĩa mất, chúa lên nối việc lớn khi 17 tuổi, hiệu là Thiên Túng đại nhân, thường gọi là chúa Minh. Năm Ất Tỵ (1725), chúa Minh băng, ở ngôi 34 năm.

Con trưởng chúa Minh là Nguyễn Phúc Chú lên nối ngôi lúc 30 tuổi, tước hiệu là Vân Tuyền đại nhân, thường gọi là chúa Ninh. Chúa mất vào năm Mậu Ngọ (1738), chỉ ở ngôi chúa 13 năm, thọ 43 tuổi.

Trong gần 20 năm trước khi Nguyễn Phúc Chu lên ngôi, Đàng Trong và Đàng Ngoài không có chiến tranh. Tuy thế, chúa vẫn rất chú ý đến việc phòng thủ. Năm 1701, người sai đắp sửa lũy Nhật Lệ, đặt thêm đài đặt súng lớn ở lũy Trấn Ninh và Sa Huỳnh. Chúa cho sửa sang đường sá, cầu cống, đặt các điểm tuần trên bộ lẫn thủy ở vùng Quảng Bình, Bố Chính.

Để nắm rõ hình thế trong nước, chúa sai quan đi khắp nơi vẽ bản đồ. Sau 3 tháng công việc hoàn thành. Năm 1711, sai người ra đo đạc bãi cát Trường Sa.



Chúa rất quan tâm đến việc luyện tập của quan quân. Năm 1694, chúa lệnh cho lực lượng tượng binh thao diễn theo trận pháp. Sau đó, chúa quy định cách thức diễn tập voi trận và đến xem buổi diễn tập. Đối với pháo binh, chúa cho lập trường pháo, buộc các quan văn võ hợp nhau diễn tập hàng năm. Ai bắn trúng được thưởng tám nghìn hồng.



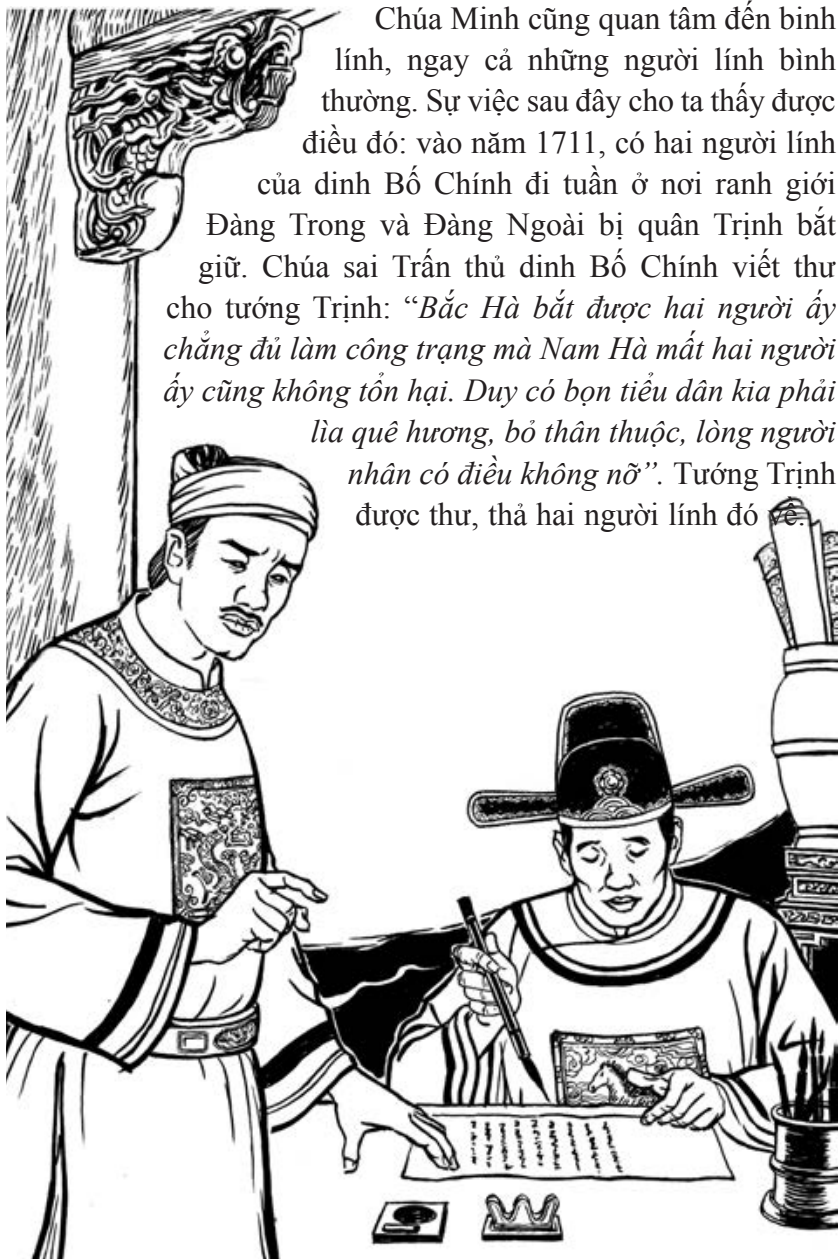
Chúa Nguyễn Phúc Chu cũng đích thân đến xem quân thủy bộ diễn tập, buộc các tướng, các đội trưởng thi bắn cung, cỡi ngựa. Ai đạt thành tích tốt thì được ban thưởng. Chúa cũng tự mình đi kiểm tra việc bố phòng ở vùng giáp với Đàng Ngoài, xem xét kho Lai Cách và cửa biển Minh Linh, lũy Sa Phụ và các pháo đài.



Thấy chúa Minh quan tâm đến việc luyện tập sử dụng binh khí, năm 1705, Chưởng cơ Nguyễn Đức Khang dâng cho chúa cây nỏ tốt. Chúa bèn lệnh cho quan văn võ tập bắn nỏ. Ai bắn trúng 5 phát liên tục thì được thưởng một tấm nhiễu hồng. Sau đó, người ta tranh nhau mua nỏ về tập bắn. Vì thế, giá nỏ tăng vọt. Chúa phải bãi việc thi bắn nỏ lấy thưởng.



Chúa Minh cũng quan tâm đến binh lính, ngay cả những người lính bình thường. Sự việc sau đây cho ta thấy được điều đó: vào năm 1711, có hai người lính của dinh Bồ Chính đi tuần ở nơi ranh giới Đàng Trong và Đàng Ngoài bị quân Trịnh bắt giữ. Chúa sai Trần thủ dinh Bồ Chính viết thư cho tướng Trịnh: “*Bắc Hà bắt được hai người ấy chẳng đủ làm công trạng mà Nam Hà mất hai người ấy cũng không tổn hại. Duy có bọn tiểu dân kia phải lia quê hương, bỏ thân thuộc, lòng người nhân có điều không nỡ*”. Tướng Trịnh được thư, thả hai người lính đó về.



Năm 1716, chúa Minh dự định đem quân đánh Bắc Hà. Chúa nhờ hai thương gia người Phúc Kiến về Quảng Tây rồi theo ngã Lạng Sơn đến Đàng Ngoài để thám thính tình hình. Họ dò la tình trạng binh, dân Bắc Hà rồi trở lại Quảng Đông. Năm sau, họ trở về báo lại. Thấy chưa thể đánh được Đàng Ngoài, chúa Nguyễn Phúc Chu đành phải bỏ ý định đó.





Năm 1702, chúa nờ Hoàng Thân và Hưng Triệt (là người Quảng Đông theo hòa thượng Thạch Liêm đến Đàng Trong) mang cống phẩm gửi đến triều đình nhà Thanh cầu phong. Tuy nhiên, nhà Thanh từ chối.

Năm 1709, Nguyễn Phúc Chu cho đúc ấn khắc chữ “*Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bửu*”. Các chúa Nguyễn và vua Nguyễn về sau đều lấy chiếc ấn này làm báu vật truyền ngôi.





Trong nội bộ nhà chúa Nguyễn cũng xảy ra việc rối ren. Năm 1694, một số người trong tôn thất mưu tính phản loạn nhưng có người tố giác, liền bị dẹp yên.

Đến năm 1709, Phò mã Tổng Phước Thiệu cùng với một số tướng và cả người trong tôn thất mưu đánh chiếm Bình Khang, Phú Yên rồi kéo quân về Quảng Nam, Chính dinh. Tuy nhiên, âm mưu sớm bị phát giác và chúa Nguyễn Phúc Chu kịp thời dẹp tan.

Lúc bấy giờ đường đi từ bắc vào nam phải qua rừng Hồ Xá (tức rừng nhà Hồ). Nơi đây bọn cướp thường tụ họp chặn đường khách đi đường. Vì thế mọi người đều e ngại đi qua đây. Tâm trạng này được phản ánh qua câu ca dao:

*Nhớ em anh cũng muốn vô,
Sợ rừng nhà Hồ, sợ phá Tam Giang*.*

* Phá Tam Giang ở vùng cửa sông Hương, sâu và có sóng dữ.



Năm 1722, chúa Minh sai Nội tán Nguyễn Khoa Đăng truy quét bọn cướp. Nhờ đó, khách đi đường không còn bị đe dọa nữa.

*Tam Giang ngày rày đã cạn
Truông nhà Hồ, Nội tán cầm nghiêm.*



Chúa Nguyễn Phúc Chu đặc biệt quan tâm đến việc ổn định ở vùng đất mới. Cho đến lúc ấy, ở những vùng ven biển, ven núi, khi dân đến sinh sống, các chúa Nguyễn cho lập thành các *thôn, phường, nậu, man*. Các đơn vị nhỏ này hợp thành *thuộc*. Tuy nhiên, cách thức đặt chức dịch chưa xác định rõ. Năm 1726, chúa Nguyễn Phúc Chú sai Nguyễn Đăng Đệ xem xét các thuộc ở Quảng Nam và định rõ số quan lại ở các thuộc tùy theo số dân.



Lúc bấy giờ ở vùng đất từ Bình Thuận đến đồng bằng sông Cửu Long, đã có nhiều người Việt đến sinh sống. Cạnh đó còn có những người Hoa quy thuận chúa Nguyễn sinh sống ở cù lao Phố và Mỹ Tho. Đàng Trong cũng cất đặt quan lại để trông coi việc quân sự, thuế má và quản lý một số hoạt động ở đây. Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào vùng Đồng Nai - Gia Định thiết lập bộ máy quản lý.





Theo lệnh chúa Minh, năm Mậu Dần (1698), Nguyễn Hữu Cảnh lập dinh Trấn Biên [sau này là Biên Hòa] ở xứ Đồng Nai và dinh Phiên Trấn [sau này là Gia Định] ở xứ Sài Gòn. Đơn vị hành chánh dưới dinh là huyện. Dinh Trấn Biên có một huyện là huyện Phước Long, còn dinh Phiên Trấn cũng có một huyện là huyện Tân Bình.

Mỗi dinh, Nguyễn Hữu Cảnh đặt các chức quan cai trị là Lưu thủ, Cai bạ, Ký lục; quân lính đóng ở đây có các đơn vị tinh binh và thuộc binh như cơ, đội, thuyền. Đất Đàng Trong như thế đã mở rộng thêm được nghìn dặm, dân số tăng thêm hơn 4 vạn hộ.





Chúa Nguyễn cho chiêu mộ lưu dân ở khắp Đàng Trong đến vùng đất mới sinh sống. Họ được phân chia ruộng đất, tổ chức thành phường, ấp, xã, thôn.

Như thế, Nguyễn Hữu Cảnh đã tạo được sự thống nhất về các mặt giữa vùng Đồng Nai - Gia Định với cả xứ Đàng Trong, đưa vùng này thật sự trở thành một phần của đất nước Đại Việt không những về chính trị mà còn cả về mặt xã hội và văn hóa.

Nhằm nắm rõ số dân (nguồn nhân lực) và ruộng đất (nguồn vật lực) của vùng đất mới, chúa cũng cho lập sổ đinh điền, từ đó định các loại thuế.

Những người Hoa trước đã sinh sống ở vùng Đồng Nai - Gia Định, lúc này cũng được tổ chức thành làng xã: ở Trấn Biên sẽ hợp thành xã Thanh Hà; ở Phiên Trấn sẽ lập thành xã Minh Hương.





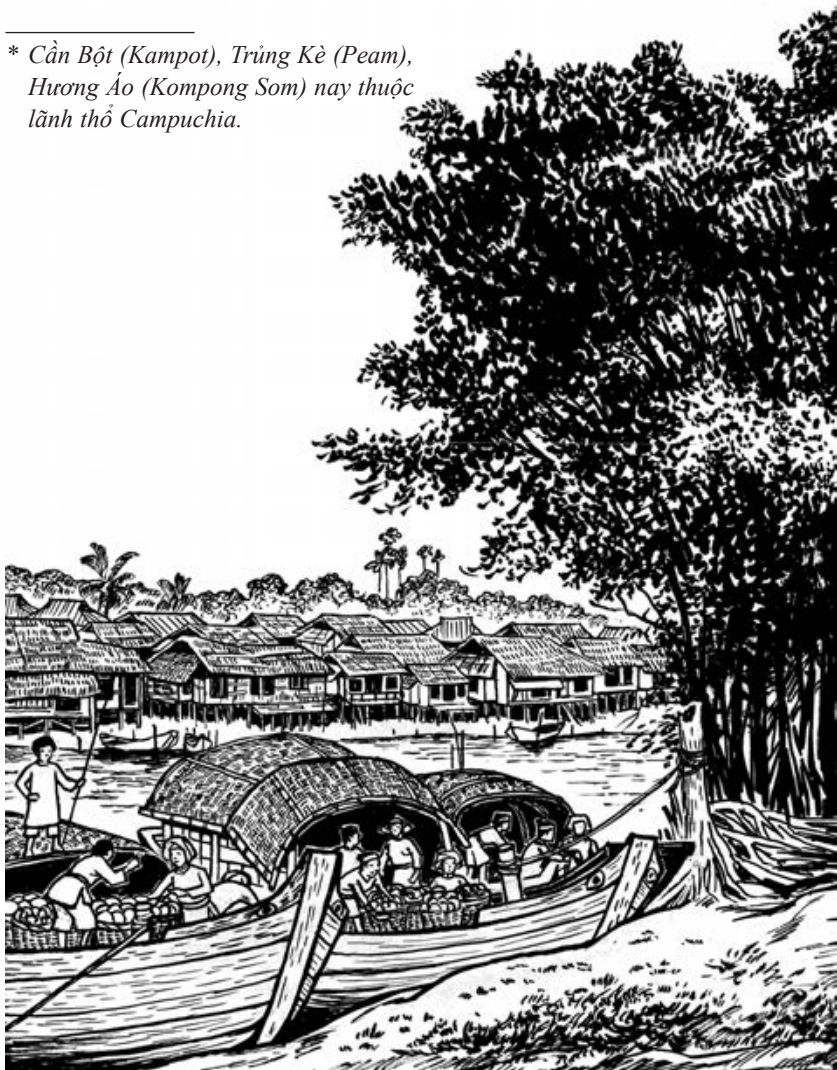
Vào khoảng thời gian này, tại vùng ven vịnh Thái Lan có nhóm người Hoa cư ngụ do Mạc Cửu đứng đầu. Mạc Cửu là một thương gia người phủ Lô Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Khoảng năm 1680, ông đến Chân Lạp và làm quan ở đây. Thấy đất Mang Khăm có nhiều thương nhân các nước lui tới, ông xin vua Chân Lạp cho đến đây mở mang việc buôn bán. Ông mở sòng bạc thu tiền hoa chi và ra sức mở mang vùng đất này.



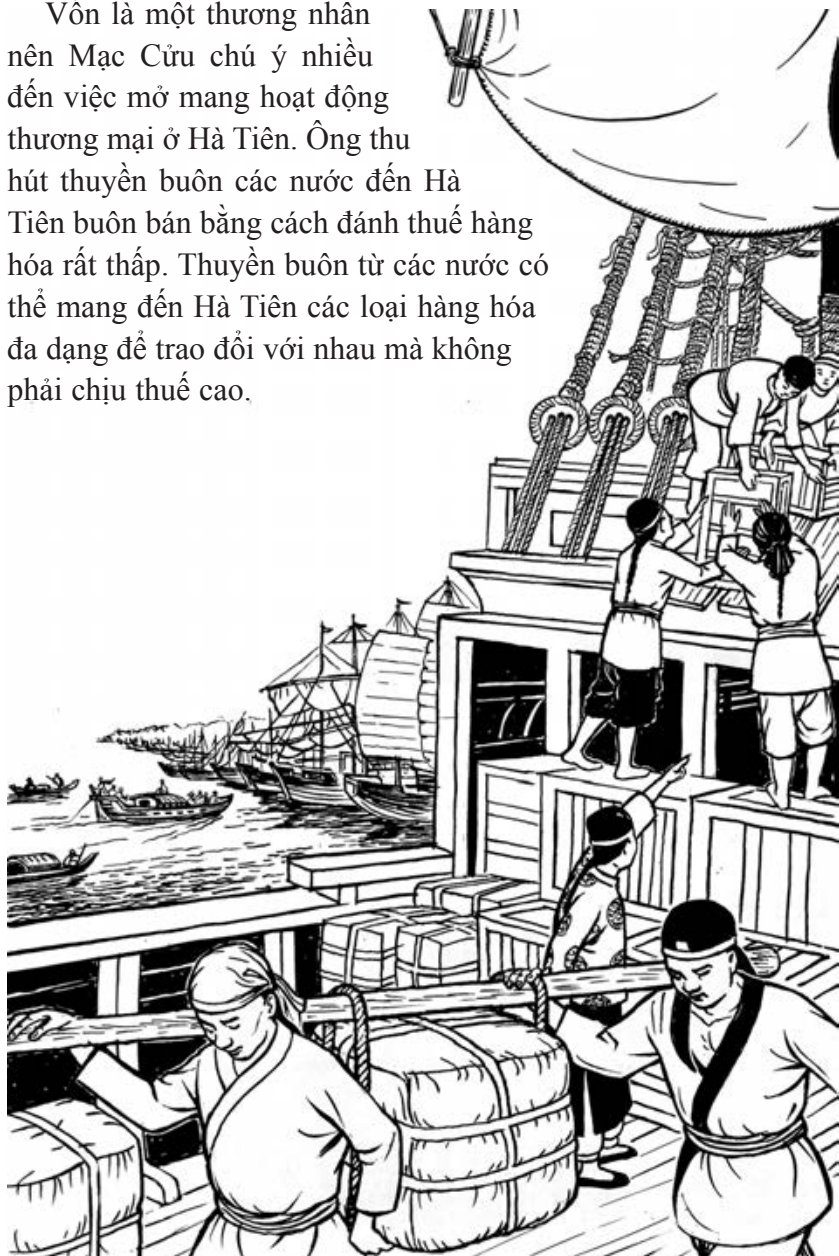
Thấy đất đai ở đây còn hoang vu, Mạc Cửu đã kêu gọi lưu dân các nơi đến sinh sống. Việc khai hoang ở vùng này gặp nhiều khó khăn do điều kiện thiên nhiên không thuận lợi cho việc trồng trọt: đất phèn, nước mặn. Pierre Poivre, một thương nhân Tây phương đến Đàng Trong vào thế kỷ XVIII cho biết: “Ông chia đất cho những người làm ruộng để họ làm riêng. Ông không thu tô, không thu thuế. Thêm vào đó, ông còn mua cho họ nông cụ cần thiết để khai thác đất đai...”.

Nhưng những nỗ lực của Mạc Cửu cũng đã đem đến kết quả. Đất đai được mở mang, tụ tập dân cư sinh sống ở 7 nơi trên vùng đất ven vịnh Thái Lan và lập thành 7 xã thôn. Đó là Hà Tiên, Phú Quốc, Cần Bột, Rạch Giá, Trùng Kè, Hương Áo và Cà Mau^(*).

** Cần Bột (Kampot), Trùng Kè (Peam),
Hương Áo (Kompong Som) nay thuộc
lãnh thổ Campuchia.*



Vốn là một thương nhân nên Mạc Cửu chú ý nhiều đến việc mở mang hoạt động thương mại ở Hà Tiên. Ông thu hút thuyền buôn các nước đến Hà Tiên buôn bán bằng cách đánh thuế hàng hóa rất thấp. Thuyền buôn từ các nước có thể mang đến Hà Tiên các loại hàng hóa đa dạng để trao đổi với nhau mà không phải chịu thuế cao.



Điều quan trọng nữa để các thuyền buôn đến Hà Tiên là nơi đây phải có nhiều hàng hóa. Trước đây, nguồn hàng ở Hà Tiên chủ yếu từ các nơi của Chân Lạp gần Hà Tiên. Nay với sự phát triển ở khu vực ven vịnh Thái Lan, Hà Tiên trở thành trung tâm của một vùng rộng lớn. Hà Tiên lại thông thương được với sông Hậu, và từ đó qua sông Tiền, đến các khu vực đang được người Việt và người Hoa, Khmer khai phá ngày một nhiều. Sông Hậu lại là đường giao thông thuận lợi với nội địa nước Chân Lạp. Nguồn hàng hóa vì thế mà rất phong phú, dồi dào.



Tuy nhiên, lúc đó Chân Lạp thường bị nước Xiêm uy hiếp. Năm 1687-1688, quân Xiêm kéo sang đánh Hà Tiên. Mạc Cửu bị bắt về Xiêm^(*). Mười ba năm sau ông mới có thể trở về. Ông lại phải cố công, xây dựng lại Hà Tiên và canh cánh trong lòng mối đe dọa bị xâm phạm từ bên ngoài.

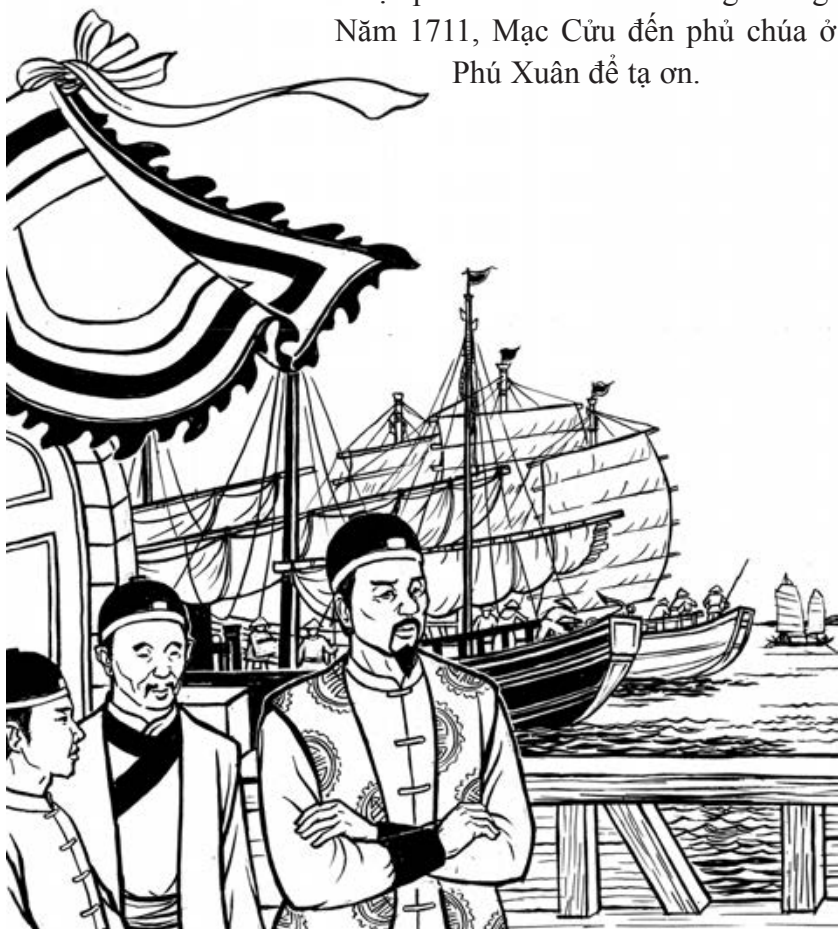
** Có tư liệu nói rằng thấy ông Mạc Cửu là người tài, tướng Xiêm dụ khéo ông theo về nước, ông bất đắc dĩ phải theo về.*



Lúc bấy giờ, một mưu sĩ của Mạc Cửu khuyên ông tìm đến chúa Nguyễn. Năm 1708, Mạc Cửu sai người đến Thuận Hóa xin làm tôi chúa Nguyễn. Sách *Đại Nam thực lục* của triều Nguyễn ghi lại: “*Tháng 8 năm Mậu Tý [1708], Mạc Cửu ủy cho bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xã dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh.*”

Như thế từ năm này, đất Hà Tiên dưới quyền cai trị của Mạc Cửu trở thành một phần lãnh thổ của Đàng Trong.

Năm 1711, Mạc Cửu đến phủ chúa ở Phú Xuân để tạ ơn.



Tuy đã được sự che chở chúa Nguyễn nhưng Mạc Cửu còn phải chứng kiến Hà Tiên bị quân Xiêm tàn phá một lần nữa vào năm 1715. Ông phải chạy đi lánh nạn, ba năm sau mới trở về khi quân Xiêm đã rút đi. Một lần nữa, Mạc Cửu lại gắng sức xây dựng lại Hà Tiên.



Sau một thời gian ngắn, Hà Tiên lại trở thành một thương cảng hưng thịnh. Sách gia phả của họ Mạc ở Hà Tiên (*Mạc thị gia phả*) chép: “*Những thương nhân gần xa nghe tiếng, ngưỡng mộ đức trạch của Thái Công (Mạc Cửu) nên đã cùng nhau đến Phương Thành (Hà Tiên) để làm ăn buôn bán. Phương Thành lại sầm uất như cũ...*”.



Năm 1735, Mạc Cửu mất. Con là Mạc Thiên Tứ (Mạc Thiên Tích) được chúa Nguyễn Phúc Chú phong làm Tổng binh Đại Đô đốc trấn Hà Tiên kế nghiệp cha. Mẹ của Mạc Thiên Tứ tên là Bùi Thị Lắm, là người Việt, quê ở Đông Môn (Biên Hòa). Mạc Thiên Tứ đã phát triển Hà Tiên không những về kinh tế mà còn biến nơi này thành một trung tâm văn hóa nổi bật ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.





Với việc sáp nhập đất Hà Tiên (1708), lãnh thổ Đàng Trong đã đến mũi Cà Mau, tiếp xúc với vịnh Thái Lan. Phần lãnh thổ từ Gia Định đến Hà Tiên, gồm vùng đất sông Tiền và sông Hậu đã có nhiều người Việt đến sinh sống, nhưng chưa tổ chức bộ máy quản lý. Năm 1732, chúa Nguyễn Phúc Chú thực hiện tiếp một bước nữa. Chúa cho lập châu Định Viễn, dinh Long Hồ (vùng Vĩnh Long ngày nay), bổ nhiệm quan lại, đưa thêm lưu dân người Việt đến khai phá.

Nguyễn Phúc Chu nhiều lần phải đánh dẹp những cuộc quấy phá ở vùng biên giới: năm 1705, Tào Vĩ ở Lục Hoàn (Lào) quấy phá ở biên thù, cướp bóc của thương buôn. Chúa sai quân đến đây nhưng sau vài tháng, tướng chỉ huy chết nên lực lượng chúa Nguyễn phải rút về.

Năm 1714, tù trưởng Trà Xuy ở Cam Lộ quấy rối ở biên giới, chúa sai quân đánh và bắt được Trà Xuy.



Đối với những nhóm dân tộc ít người ở vùng rừng núi, chúa Nguyễn Phúc Chu dùng chánh sách phủ dụ để họ thần phục, nộp thuế. Chẳng hạn như người Nam Bàn và Trà Lai (Gia Lai) ở vùng phía tây phủ Phú Yên, Quy Ninh không chịu nộp thuế. Năm 1711, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Kiêm Đức, người thông hiểu phong tục dân tộc ít người, mang thư của chúa cùng các tặng phẩm như áo sa đoạn, đồ đồng, đồ sứ đến gặp tù trưởng và chiêu dụ họ.

Chỉ khi họ quấy phá, cướp bóc, chúa mới sai quân đánh dẹp.



Như năm 1692, quân Chiêm Thành đánh phá ở phủ Diên Ninh. Chúa Nguyễn Phúc Chu sai Nguyễn Hữu Cảnh (con của Nguyễn Hữu Dật) đem quân đi đánh, bắt được vua Chiêm là Bà Tranh. Chúa sai đưa vua Chiêm ra ở tại núi Ngọc Trân và cấp tiền gạo, vải lụa để chi dụng. Sau đó, chúa cho đổi trấn Thuận Thành thành phủ Bình Thuận, cử Kế Bà Tử làm quan quản lý ở đây và bắt ăn mặc theo như người Việt.



Đến cuối năm đó [1693], một người Trung Quốc tên là A Ban cư trú ở vùng Thuận Thành cùng với một người Chiêm Thành, Ốc Nha Thát, nhóm họp người Chiêm Thành để nổi lên. A Ban đổi tên là Ngô Lăng tự xưng mình có phép hô phong hoán vũ, gươm đao không thể làm bị thương.



cứu viện từ Bà Rịa kéo ra, đánh phá Phan Rí và kéo đến vây Phan Rang. Lực lượng Nguyễn từ Bình Khang kéo vào giải vây cho Phan Rang. Ngô Lãng chạy về vùng biên giới với Chân Lạp và bị đánh tan.



Năm 1694, theo lời xin của Kế Bà Tử, chúa cho đổi vùng đất này trở lại làm trấn Thuận Thành. Mấy tháng sau đó, chúa thay đổi chánh sách cai trị, cho vùng đất này quy chế rộng rãi hơn. Chúa phong cho Kế Bà Tử làm vua người Chăm, cai trị trấn Thuận Thành và hàng năm nộp cống. Năm 1697, chúa đổi vùng này thành phủ Bình Thuận, vẫn để Kế Bà Tử làm phiên vương.



Năm 1712, Nguyễn Phúc Chu định quy chế riêng cho trấn Thuận Thành theo đó trong việc kiện tụng, nếu giữa người Chăm với nhau thì do vua Chăm phân xử còn giữa người Chăm và người Việt thì do vua Chăm và Cai bạ, Ký lục cùng xem xét. Lập hai trạm canh của quân lính để phòng kẻ gian. Người đi buôn muốn đến đây phải xin giấy thông hành. Người Chăm xiêu dạt làm ăn đều được phép trở về...

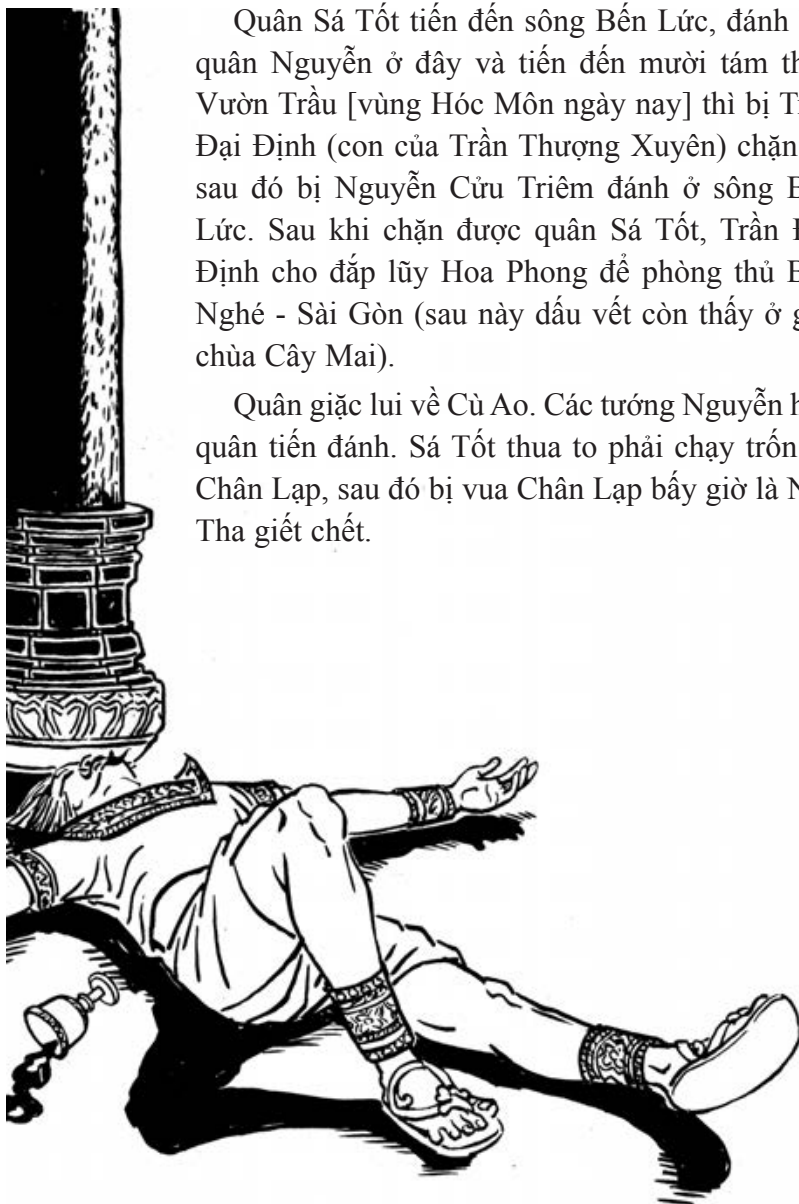




Năm 1731, một người Lào cư ngụ ở Chân Lạp, tên là Sá Tốt (Prea Sot) tập hợp được một lực lượng khá mạnh ở vùng Banam, đánh đuổi người Việt đang sinh sống ở đấy rồi kéo tiến sang quấy nhiễu vùng Sài Gòn. Để đối phó với quân Sá Tốt, chúa đặt thêm chức Điều khiển để chỉ huy toàn thể quan binh các dinh ở Gia Định và cử Nguyễn Phúc Vĩnh vào chức vụ này.

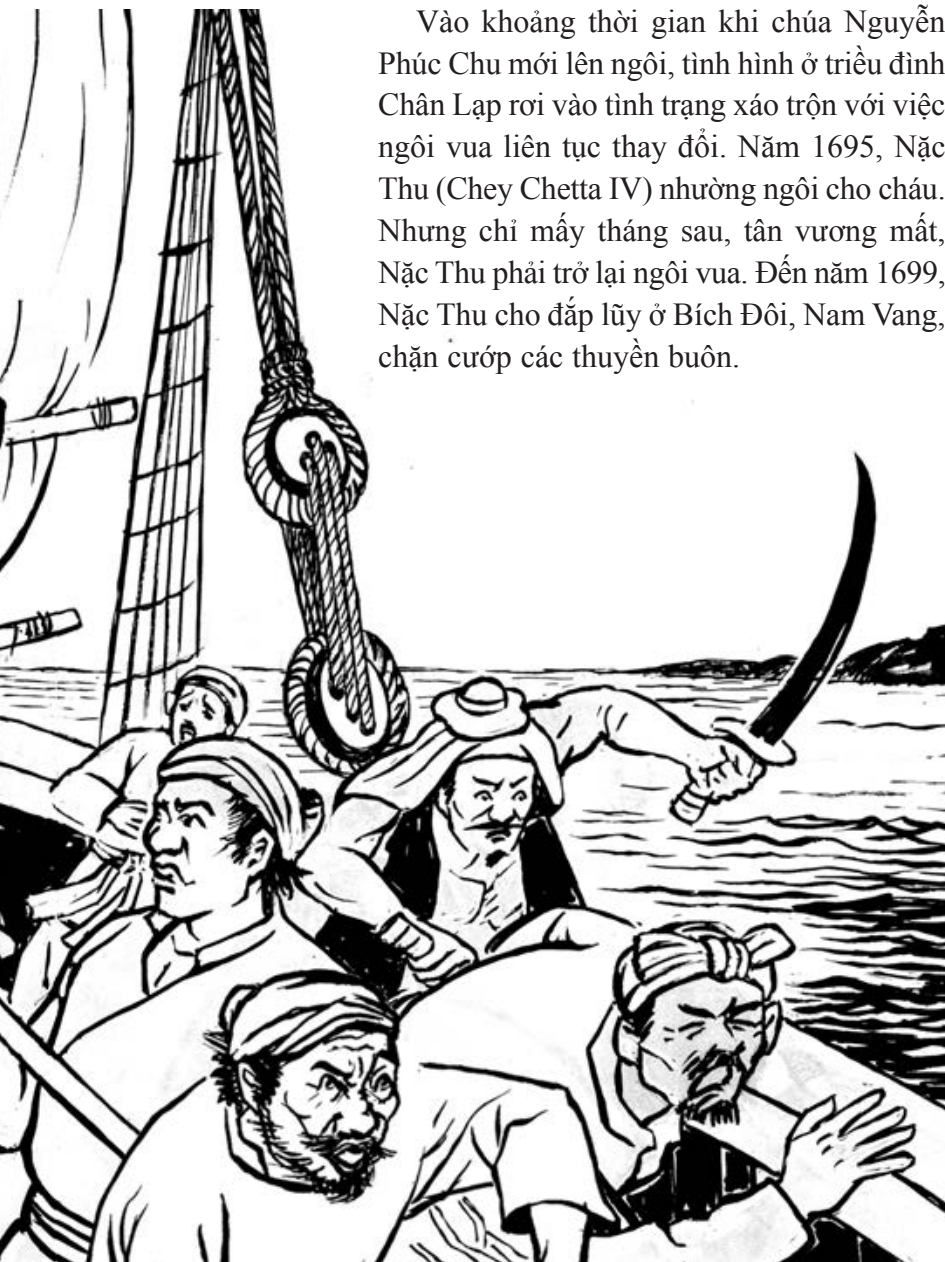
Quân Sá Tốt tiến đến sông Bến Lức, đánh bại quân Nguyễn ở đây và tiến đến mười tám thôn Vườn Trầu [vùng Hóc Môn ngày nay] thì bị Trần Đại Định (con của Trần Thượng Xuyên) chặn và sau đó bị Nguyễn Cửu Triêm đánh ở sông Bến Lức. Sau khi chặn được quân Sá Tốt, Trần Đại Định cho đắp lũy Hoa Phong để phòng thủ Bến Nghé - Sài Gòn (sau này dấu vết còn thấy ở gần chùa Cây Mai).

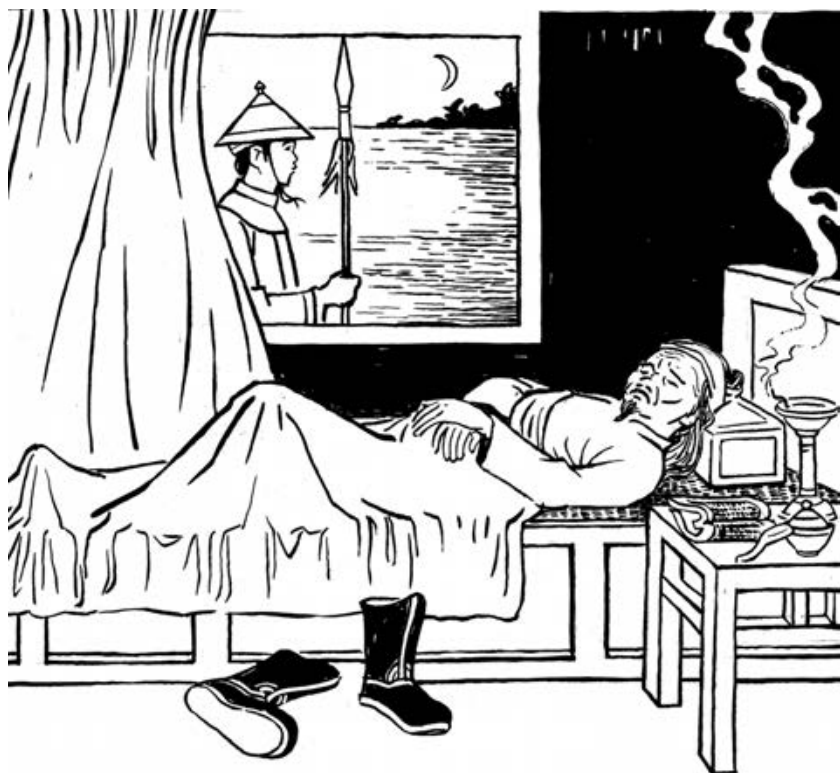
Quân giặc lui về Cù Ao. Các tướng Nguyễn hợp quân tiến đánh. Sá Tốt thua to phải chạy trốn về Chân Lạp, sau đó bị vua Chân Lạp bấy giờ là Nặc Tha giết chết.





Vào khoảng thời gian khi chúa Nguyễn Phúc Chu mới lên ngôi, tình hình ở triều đình Chân Lạp rơi vào tình trạng xáo trộn với việc ngôi vua liên tục thay đổi. Năm 1695, Nặc Thu (Chey Chetta IV) nhường ngôi cho cháu. Nhưng chỉ mấy tháng sau, tân vương mất, Nặc Thu phải trở lại ngôi vua. Đến năm 1699, Nặc Thu cho đắp lũy ở Bích Đồi, Nam Vang, chặn cướp các thuyền buôn.





Chúa sai Nguyễn Hữu Cảnh và Trần Thượng Xuyên đem quân đánh dẹp. Năm 1700, quân Nguyễn tấn công, phá các lũy của Nặc Thu. Nặc Thu bỏ thành chạy. Nặc Yên (Ang Em, con của Nặc Nộn) ra hàng. Sau đó, Nặc Thu^(*) đến hàng và xin nộp cống. Giữa năm đó, Nguyễn Hữu Cảnh đem quân về. Ông bị bệnh nặng nên khi về đến Rạch Gầm thì mất, thọ 51 tuổi.

* *Nặc Thu, Nặc Nộn*: xem Lịch sử Việt Nam bằng tranh - Tập 51: Chúa Hiền - chúa Nghĩa.

Lúc bấy giờ vua Chân Lạp đóng ở Oudong là Nặc Thu. Nặc Thu thấy mình tuổi già nên truyền ngôi lại cho con là Nặc Thâm (Ramathibodey II). Nặc Thâm nghi ngờ Nặc Yêm chống mình vì thế lại sinh ra cuộc chiến giữa hai người. Năm 1705, Nặc Yêm sang Gia Định, cầu cứu chúa Nguyễn Phúc Chu. Lúc ấy, Nặc Thâm dựa vào thế lực quân Xiêm. Chúa sai Nguyễn Cửu Vân đem quân thủy bộ từ Gia Định sang giúp. Đến Rạch Gầm thì quân Nguyễn chạm trán và đánh tan quân Xiêm.





Tuy nhiên, đội thuyền lương do Xá sai ty dinh Phiên Trấn là Mai Công Hương chỉ huy bị quân Xiêm chặn đánh ở sông Xá Hương^{*}. Mai Công Hương đục thủng thuyền để thuyền lương không rơi vào tay địch, sau đó gieo mình xuống sông tự vẫn. Nghe tin, chúa phong Mai Công Hương làm thần “Vị quốc tử nghĩa” và sai lập đền thờ.

Khi hay tin quân Xiêm bị bại, Nặc Thâm và em là Nặc Tân chạy sang Xiêm. Nặc Yêm lên làm vua Chân Lạp.

^{*} Thuộc tỉnh Long An ngày nay. Sau khi Mai Công Hương chết, chúa cho lấy tên ông để đặt tên sông này.



Nguyễn Cửu Vân đem quân về Vũng Gù^(*). Ông khai khẩn đất hoang, trồng trọt, làm gương cho quân dân noi theo. Ông cũng cho đắp lũy từ quán Thị Gai đến chợ Phú Lương, dùng dòng nước của sông Vàm Cỏ Tây và sông Mỹ Tho và đào thêm để làm hào để phòng thủ. Hào nước này sau này đã được đào thêm và trở thành con đường thủy quan trọng^(**).

* Còn ghi là Cù Úc, Vũng Cù, Cù Áo, thuộc tỉnh Long An ngày nay.

** Vua Gia Long cho đào sửa lại cho ghe thuyền đi lại dễ dàng và đặt tên là kênh Bảo Định, (Pháp gọi là Arroyo de la Poste). Đây là đường thủy quan trọng nối Bến Nghé - Sài Gòn với Mỹ Tho, sông Tiền và các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 1711, Nặc Thâm từ Xiêm về. Cuộc tranh chấp giữa Nặc Thâm và Nặc Yêm ngày càng trở nên quyết liệt. Đến cuối năm 1714, Nặc Yêm yếu thế nên sai người sang Trấn Biên, Phiên Trấn cầu cứu. Trần Thượng Xuyên mang quân Phiên Trấn, Nguyễn Cửu Phú mang quân Trấn Biên đến đóng ở Lôi Lạp (nay là Tân An và Gò Công) và Mỹ Tho.



Được tin báo, chúa sai Nguyễn Cửu Triêm mang binh thuyền của dinh Bình Khang vào ứng tiếp và mộ dân để tăng quân số ở dinh Trấn Biên... Quân Nguyễn hợp cùng quân Nặc Yêm vây Nặc Thâm ở thành La Bích (Phnom Penh). Đầu năm 1715, Nặc Thâm phóng hỏa đốt nhà cửa trong thành và trốn đi. Trần Thượng Xuyên và Nguyễn Cửu Phú vào thành La Bích. Nặc Thu xin nhường ngôi cho Nặc Yêm. Chúa Nguyễn Phúc Chu phong cho Nặc Yêm làm vua Chân Lạp.



Tháng sau, quân Xiêm bằng hai đường thủy, bộ, kéo sang giúp Nặc Thâm, tiến đến Oudong, Nặc Yêm thần phục vua Xiêm và quân Xiêm rút về. Tình hình Chân Lạp càng rối ren, các hoàng thân liên tục đánh nhau tranh ngôi. Lực lượng thủy quân do chính vua Xiêm chỉ huy đánh vào Hà Tiên, cướp bóc của cải. Tổng binh Mạc Cửu không chống nổi đành bỏ chạy. Quân Xiêm cướp bóc hết của cải. Mấy năm sau, Mạc Cửu về xây dựng lại Hà Tiên. Ông cũng đắp thành lũy bằng đất, đặt dây xích chặn ngang cửa sông để phòng thủ.



Bên cạnh việc phòng thủ và mở mang đất đai, chúa Nguyễn Phúc Chu rất quan tâm đến Nho học. Lúc mới lên ngôi, chúa đến làng Triều Sơn thăm và cho sửa sang Văn miếu.

Năm 1715 chúa Nguyễn Phúc Chu sai lập Văn miếu ở dinh Trấn Biên (Biên Hòa), giao cho Trấn thủ và Ký lục dinh này trông coi việc xây dựng.



Văn học và thi cử được chúa chú trọng. Các khoa thi Chính đồ, Hoa văn, Thám phong vẫn được tổ chức, có khi chúa tự ra đề thi. Năm 1695, Nguyễn Phúc Chu mở kỳ thi văn chức và thi tam ty dành cho các quan lại tại phủ chúa (thi Đình). Quan tùy theo nơi làm việc phải làm thi phú, văn sách hoặc làm thơ hoặc viết bài về việc xử án, việc xuất nhập tiền bạc, lúa gạo hằng năm. Khoa thi này có tính chất khảo hạch quan lại hơn là chọn người ra làm quan.





Tuy nhiên cách tổ chức học hành, thi cử chưa được hoàn chỉnh. Trong khoa thi năm 1713, quan giám khảo vì bất hòa đã đánh rớt cả 130 người dự thi Chính đồ. Chúa cho rằng giám khảo quá hà khắc nên cho thi lại, chúa ra đề. Cuối cùng có 1 Sinh đồ và 7 Nhiêu học được chấm đỗ. Trong kỳ thi nhiều học năm 1723, số thi đỗ đến 77 người khiến dư luận xôn xao. Chúa sai tập hợp lại để chúa ra đề thi. Sĩ tử không ai làm bài được nên bị đánh hỏng tất cả.



Lê Quý Đôn đã nhận xét về việc học hành thi cử ở Đàng Trong như sau: “Họ Nguyễn chuyên dùng lại tư, không chuộng văn học. Những nơi quan trọng thì ủy cho họ hàng coi giữ, người thi đỗ Hoa văn làm phụ tá. Người thi đậu các kỳ thi thì bắt đầu làm Tri phủ, Tri huyện chỉ coi việc xử án, rồi làm Ký lục coi việc thu thuế, những kẻ lớn, mưu lớn không được hỏi đến. Còn bọn hậu học, tiểu sinh cũng không thấy nuôi dưỡng.”

Chúa Nguyễn Phúc Chu là người mến chuộng thơ văn và đã để lại nhiều tác phẩm văn chương. Khi một người phi yêu dấu mất, chúa làm 4 bài thơ để nói lên sự thương nhớ của mình:

*Thời đương thất tịch Ngân hà ám
Sầu kỷ thiên niên giới lộ hy...*

(Đêm thất tịch mà sông Ngân mờ tối
Sầu nghìn thu vì móc hẹ chóng tan...)

(Đại Nam thực lục, Nxb Sử học, tập 1, tr.182)





Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu là người sùng đạo Phật, góp công lớn trong việc xây dựng phát triển Phật giáo, trùng tu chùa chiền và quảng bá đạo Phật khắp Đàng Trong. Chúa sai người sang Quảng Đông (Trung Quốc) mời hòa thượng Thích Đại Sán (tức Thạch Liêm) sang thuyết pháp. Thích Đại Sán đến Huế vào tháng 3 năm 1695 và trú ngụ tại chùa Thiên Lâm^(*).

^{*} Gần chùa Từ Đàm ở Huế hiện nay.

Chúa cho tổ chức giới đàn rất lớn kéo dài 3 ngày ở chùa Thiên Lâm và sau đó tổ chức giới đàn ở chùa *Giác Vương Nội Viện* chúa vừa cho xây dựng trong phủ để chúa thọ giới với Hòa thượng Thích Đại Sán.



Hòa thượng Thích Đại Sán ở Huế trong gần 5 tháng thì lên đường về nước. Tuy nhiên, khi vào Hội An ông bị bệnh nên phải trở lại Huế, đến ở tại chùa Thiên Mụ cho đến giữa năm sau mới về Quảng Đông. Ông đã viết quyển *Hải ngoại ký sự* ghi lại chuyến đi của mình, những điều tai nghe mắt thấy, những hiểu biết của mình về sinh hoạt xã hội, văn hóa của xứ Đàng Trong thời bấy giờ.



Năm 1710, nhân ngày Phật đản, chúa Nguyễn Phúc Chu cho đúc chuông chùa Thiên Mụ nặng 3.285 cân (2.021kg, cao 2,5m, đường kính 1,2m) và viết bài minh để khắc vào chuông.



Mùa hạ năm 1714, chúa Nguyễn Phúc Chu cho trùng tu chùa Thiên Mụ và viết bài văn cho khắc vào bia đá dựng trước cổng chùa. Chúa ăn chay một tháng và phát tiền gạo cho người nghèo thiếu. Vua Chăm Kế Bà Tử cũng đem 3 người con cùng tướng tá tới hội. Nhân dịp này, chúa phong cho ba người con của Kế Bà Tử tước hầu.

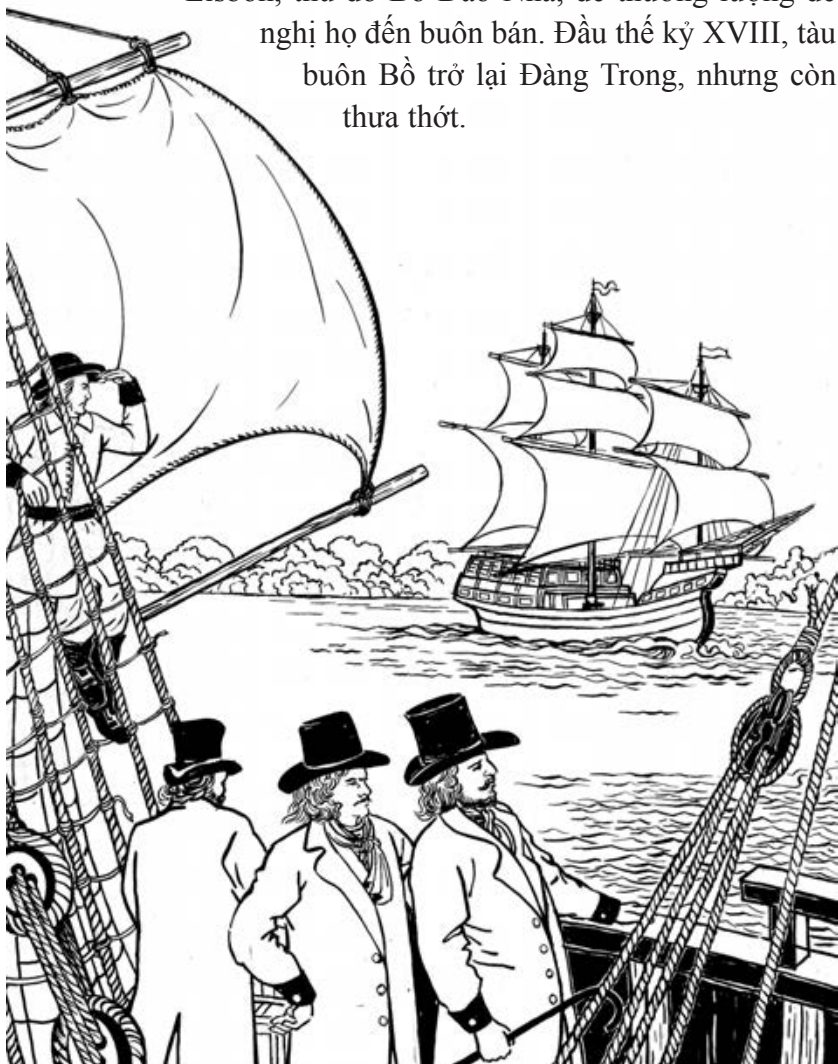
Chúa cho dựng một đài nhỏ trên sông Hương trước chùa để câu cá còn thưởng ngoạn.



Đối với đạo Thiên Chúa, tiếp tục chính sách của các chúa trước, chúa Nguyễn Phúc Chu tuy có ban hành lệnh cấm đạo, đuổi giáo sĩ vào năm 1700, 1724, nhưng việc thi hành không gắt gao. Chúa Nguyễn Phúc Chú càng dễ dãi hơn đối với đạo Thiên Chúa. Nói chung, trong nửa đầu thế kỷ XVII, hoạt động của đạo Thiên Chúa không gặp nhiều khó khăn ở Đàng Trong.



Việc giao thương giữa Đàng Trong với các nước Tây phương đã giảm sút nhiều vào cuối thế kỷ XVII. Đầu thế kỷ XVIII, tàu buôn của người Bồ không còn đến Đàng Trong nữa. Chúa Nguyễn Phúc Chu phái cha cố Antonio Arnedo đến Macao và đến cả Lisbon, thủ đô Bồ Đào Nha, để thương lượng đề nghị họ đến buôn bán. Đầu thế kỷ XVIII, tàu buôn Bồ trở lại Đàng Trong, nhưng còn thưa thớt.



Người Hà Lan, sau những thất bại trong việc cạnh tranh với người Bồ đã rời Đàng Trong từ giữa thế kỷ XVII. Người Anh, do sự cạnh tranh, ngăn trở của người Hà Lan, người Bồ và gặp những khó khăn với quan lại người Việt ở Thăng Long, đã muốn đến buôn bán với Đàng Trong. Năm 1695, công ty Đông Ấn Anh phái Bowyear đến Hội An xem xét tình hình hàng hóa địa phương, xin chúa Nguyễn cho buôn bán và cho hưởng một số ưu đãi.



Chúa Nguyễn Phúc Chu tiếp Bowyear, hỏi mua đại bác và gửi một bức thư đến công ty. Tuy nhiên việc mua bán số hàng Bowyear mang đến gặp khó khăn. Sau đó, người Anh không đến buôn bán nữa.





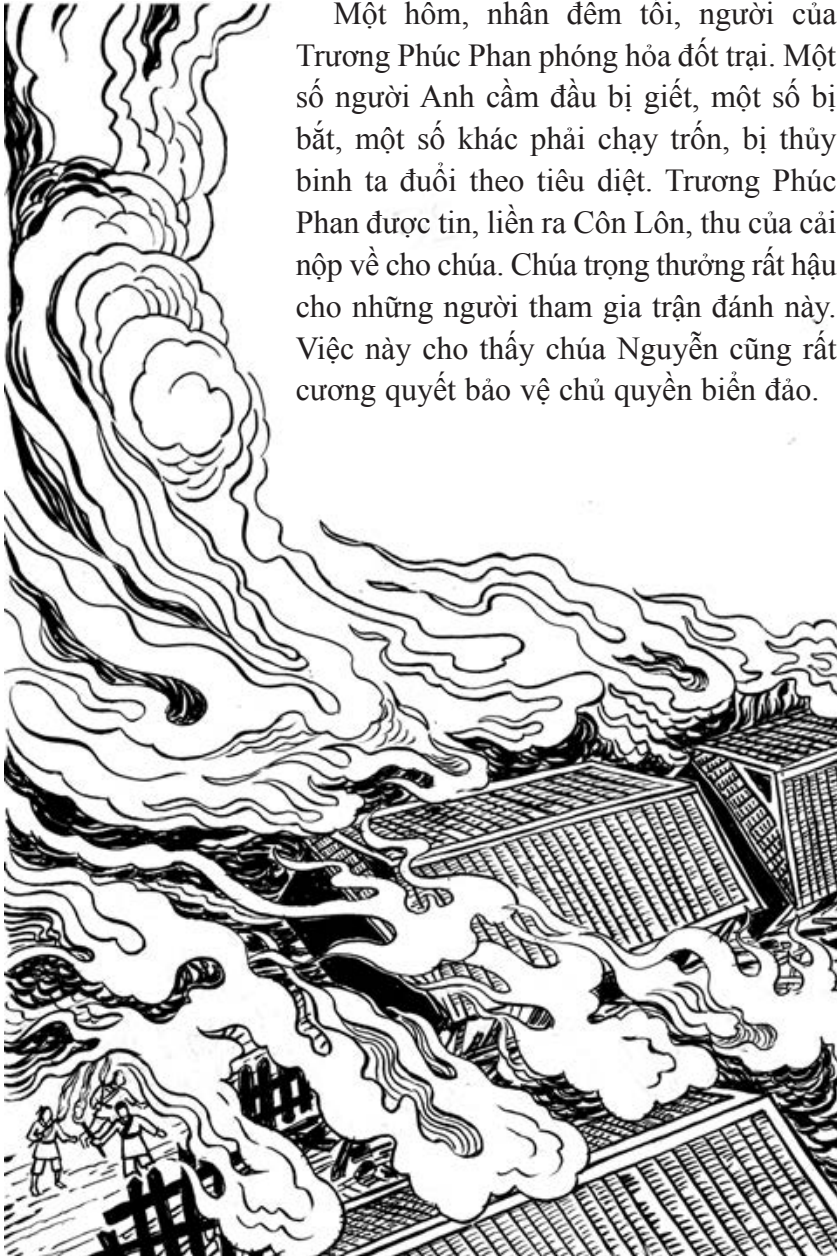
Tuy nhiên, thấy Côn Lôn có một vị trí quan trọng trên con đường hàng hải ở nam biên Đông, năm 1702, công ty Đông Ấn Anh đem 8 chiếc thuyền và 200 người đến chiếm giữ đảo Côn Lôn lập cơ sở với kho chứa hàng hóa và đồn trại, súng đại bác để phòng thủ. Cơ sở này do Allen Catchpole cầm đầu.



Trần thủ dinh Trấn Biên là Trương Phúc Phan biết tin, báo về phủ chúa ở Phú Xuân. Chúa lệnh cho Trương Phúc Phan đánh đuổi nhóm người Anh. Trương Phúc Phan mộ 15 người Chà Và^(*) giả vờ đến hàng và phụ giúp cho người Anh. Sau hơn 1 năm, không thấy chính quyền Đàng Trong động tĩnh gì, người Anh lo là việc đổi phò.

^{*} Người đảo Java, gốc Mã Lai.

Một hôm, nhân đêm tối, người của Trương Phúc Phan phóng hỏa đốt trại. Một số người Anh cầm đầu bị giết, một số bị bắt, một số khác phải chạy trốn, bị thủy binh ta đuổi theo tiêu diệt. Trương Phúc Phan được tin, liền ra Côn Lôn, thu của cải nộp về cho chúa. Chúa trọng thưởng rất hậu cho những người tham gia trận đánh này. Việc này cho thấy chúa Nguyễn cũng rất cương quyết bảo vệ chủ quyền biển đảo.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của viện Sử học), Hà Nội, 1992.
- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971.
- Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Đại Việt sử kí tục biên*, NXB Khoa học Xã hội, 1991.
- Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- Li Tana, *Xứ Đàng Trong – Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, NXB Trẻ, TP.HCM, 1999.
- Tạp chí Xưa và Nay (chủ biên), *Triều Nguyễn và lịch sử nước ta*, NXB Văn hóa Sài Gòn, TP.HCM, 2008.
- Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong: 1558-1777: cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2011.
- Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971.
- Dinh Đức hầu Vũ Thế Dinh, *Mạc thị gia phả*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002.

THƠ VĂN CỦA NGUYỄN PHÚC CHU

Không chỉ là một vị chú nổi tiếng với lòng khoan dung, sùng đạo Phật, chúa Nguyễn Phúc Chu còn là một tác gia lớn của văn học xứ Đàng Trong thời bấy giờ. Do pháp danh của ông là *Thiên Túng đạo nhân* (天縱道人), nên khi sáng tác thi văn, ông thường ghi Đạo nhân thư (道人書) ở cuối các tác phẩm.

THƠ KHỐC VỢ

Trong các bà phi của chúa Nguyễn Phúc Chu, có bà Nguyễn Thị Lan, con gái quan Tham chính Chánh đoán sự Nguyễn Hữu Hạp, được chúa sủng ái nhất. Bà Lan vào hầu phủ chúa được tấn phong Hữu Cung tần hàng thứ 3 rồi được tấn phong Chánh Nội phủ, tước Kính phi, tôn là hàng phu nhân. Bà sinh được 11 người con. Mùa thu năm Giáp Ngọ 1714, ngày 8 tháng 7, (đời Lê Du Tông, hiệu Vĩnh Thịnh 10), bà mất. Chúa vô cùng thương tiếc, truy tặng, đặt tên thụy cho bà là Từ Đức rồi lập đàn trai cầu nguyện hương hồn bà ở chùa Thiên Mục, ban cho bà 4 bài thơ điệu, viết vào tường chùa như sau:

Bài thứ nhất [*Phiên âm*]

Vấn thiên hà sự chiết ngô phi,
Hoa tạ tam cung nguyệt yếm huy.

Bất đặc nữ trung vong khôn phạm,
Hoàn tri kỳ nội thất dung nghi.
Thời đương thất tịch Ngân hà ám,
Sầu ký thiên niên giới lộ hy.
Mạn đạo tiểu nhân nhi phụ thái,
Cổ kim thùy cánh thử tình vi?

[Dịch]

Hỏi trời sao giết vợ ta,
Ba cung hoa rụng, trăng kém sáng.
Không những mất khuôn phép của giới đàn bà,
Đâu ngờ mất cả dáng điệu trong kỳ hẹn ước.
Đêm thất tịch mà sông Ngân mờ tối,
Sầu nghìn thu vì móc hẹ chóng tan.
Đừng cười người ta thói đàn bà con trẻ.
Xưa nay ai không có tình này!

Bài thứ hai [Phiên âm]

Khứ niên Chúc Nữ nhập song minh,
Khước bị trùng vân tỵ địa sinh.
Chế cảm vị hoàn ti tại trực,
Xuyên tâm tài bãi tuyển phiêu doanh.
Không hoài ngũ dạ Quỳnh lâu dịch,
Khởi vọng song xuy Ngọc điện sinh.
Nhất phiến mê ly nghi thử tế,
Uyên ương tú chẩm mộng nan thành.

[Dịch]

Năm ngoái sao Chúc Nữ soi cửa sổ,
Nay bị mây dày che lấp đi.

Dệt gấm chưa xong, tơ còn ở trực,
Xâu kim vừa bỏ, chỉ còn phát phơ.
Tiếng sáo Quỳnh lâu, năm canh tưởng nhớ,
Tiếng sênh Ngọc điện, khó có lúa đôi.
Tắm lòng mê mẩn ngỡ như lúc ấy,
Gối thêu uyên ương, nằm mộng khó thành.

Bài thứ ba [*Phiên âm*]

Nội trợ tăng kinh ức ỷ ny,
Duy dư đồng nhữ lương nan kỳ.
Phi nhân mộ sắc tiềm huy lệ,
Chỉ vị tôn hiền trọng phú thi.
Việt hải tuy khoan nan tái hận,
Tầm lãng nghi cận dị quan bi.
Trường đề thả mặc tài dương liễu,
Hảo đãi thanh minh tủng mục thì.

[Dịch]

Việc nội trợ vẫn nhớ dung tư yếu điệu,
Duy ta cùng mình, khó hẹn nhau.
Không phải vì mến sắc mà thầm khóc,
Chỉ quý tính nết mới làm thơ.
Biển rộng mông mênh, mà khó chờ hận.
Tầm lãng gần gũi, để dễ xem bia.
Chớ trông dương liễu trên đề dài,
Để tiết thanh minh trông cho quang.

Bài thứ tư [*Phiên âm*]

*Nhữ thọ tuy vi, phúc tự trường,
Nhân truyền phúc trạch Nguyễn cung hương.*

*Phao tư kim ngọc doanh song níp,
Lưu thử nhi tôn mẫn nhất đường.
Đối cảnh kỷ hồi hàm biệt lệ,
Liên tài nhất thế động trung tràng.
Kim bằng diệu pháp không vương lực,
Tiến bạt u hồn đạt thượng phương.*

[Dịch]

Mình tuổi thọ dầu ít, nhưng phúc thì nhiều,
Người ta thường đồn phúc trạch thơm trong cung
họ Nguyễn.

Vàng ngọc hai hòm đều vớt bỏ;
Để lại con cháu đầy một nhà.
Đối cảnh bao lần ngâm nước mắt;
Tiếc tài suốt đời động lòng thương.
Nay nhờ phép màu của đức Phật,
Tiếp dẫn linh hồn lên cõi tiên.

Văn chương cổ hiếm khi đề cập đến chuyện tình cảm vợ chồng, chúa Nguyễn Phúc Chu làm 4 bài thơ, thương nhớ viết vào tường chùa như vậy, mới thấy tình cảm tâm hồn cũng như cá tính của chúa Minh.

THƠ CA NGÔI CẢNH SẮC ĐÀNG TRONG TRÊN ĐỒ SỨ KIỂU

Chúa Nguyễn Phúc Chu rất thích đồ gốm sứ Trung Hoa. Chúa thường đề các thi phẩm do người trước tác và vẽ hình minh họa các nội dung thi phẩm ấy. Đến nay, giới sưu tầm đồ sứ ký kiểu ở trong và ngoài nước đã sưu tầm được nhiều món đồ sứ do chúa

Nguyễn Phúc Chu ký kiếu, chủ yếu là những chiếc tô lớn, đường kính khoảng 18cm, có đề các bài thơ của chúa Nguyễn Phúc Chu. Đó là những bài thơ *thất ngôn bát cú*, được viết trên những chiếc tô sứ men trắng vẽ lam, hiệu đề *Thanh ngoạn* (清玩) viết theo kiểu chữ *triện* trong vòng tròn kép. Mỗi bài thơ được viết thành 10 dòng, gồm 1 dòng tiêu đề, 8 dòng nội dung và 1 dòng lạc khoản ở cuối bài thơ ghi ba chữ Hán: *Đạo nhân thư* (道人書). Bên cạnh mỗi bài thơ là một bức tranh *son thủy - nhân vật*, vẽ cảnh sắc, địa danh mà bài thơ miêu tả. Đây là lối trang trí *nhất thi, nhất họa* rất phổ biến trên đồ gốm sứ phương Đông lúc bấy giờ.

Xin giới thiệu đến độc giả một số bài thơ in trên đồ sứ kiếu.

Bài 1:

THIÊN MỤ HIỂU CHUNG

Ký bạch đông phương thúy tích trùng
Thự quynh tiệp dữ bách hoa nùng
Tà khan vân ảnh giang can nguyệt
Bất thính triều thanh sơn tự chung
Độc ngã nhân tình y phiếu miểu
Kỷ nhân trần mộng đắc thung dung
Du du dư vận chư thiên lý
Phạn ngữ dao ung đáp hiểu chung

Đạo nhân thư

Trần Đình Sơn dịch thơ:

CHUÔNG SỚM THIÊN MỤ

Biêng biếc phương trời buổi rạng đông
Trăm hoa ửng nắng sắc hương nồng
Vẳng nghe, sóng dậy chuông chùa điểm

Ghé mắt, mây phô nguyệt bến lòng
Riêng tứ, tình sông về thăm thăm
Mây ai, cảnh mộng tới thông dong
Mang mang dư vận từng không tỏa
Tiếng phạn hồi chuông sớm quện lòng.

Đạo nhân thư

Chùa Thiên Mụ là đại danh lam của Thuận Hóa xưa, có lịch sử trải hơn 400 năm, nằm trên đồi Hà Khê. Chùa Thiên Mụ chính thức khởi lập năm Tân Sửu (1601), đời chúa Tiên Nguyễn Hoàng - vị chúa Nguyễn đầu tiên ở Đàng Trong.



Chùa Thiên Mụ. Ảnh: Hải Vân (Nguồn: 700 năm Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế, Nguyễn Đắc Xuân, NXB Trẻ, 2009).

Bài 2:

ẢI LĨNH XUÂN VÂN

*Việt Nam xung yếu thử sơn điền
Tuyệt lĩnh hoàn như Thục đạo thiên
Đã kiến vân hoành tam tuần lĩnh
Bất tri nhân tại kỳ trùng thiên
Lãnh triêm tu phát phi đồng tuyết
Thấp tiến y thường khởi thị tuyền
Duy nguyện hải phong xuy tác vũ
Chính nghị thiên lý nhuận tang điền.*

Đạo nhân thư

Trần Đức Anh Sơn dịch thơ:

MÂY XUÂN TRÊN ẨM LĨNH

Xung yếu về Nam có núi này
Khác chi đất Thục điệp non xây
Bóng giăng, chỉ thấy ba tầng lớn
Người ở, nào hay mấy đỉnh mây
Mì tóc lạnh, dù không tuyết rụng
Áo xiêm ngậm, đâu chẳng nguồn vây
Chỉ mong gió bẻ đem mưa tới
Muôn dặm dâu xanh bát ngát bày.

Đạo nhân thư

Ẩm Lĩnh là tên gọi của cửa đèo Hải Vân, trên núi có xây dựng cửa ải nên gọi là Ẩm Lĩnh. Năm 1826, vua Minh Mạng cho xây lại ải, gồm hai cửa. Cửa trước có tám biển đá khắc dòng chữ Hán: *Hải Vân quan* (海雲關). Từ đó, quen gọi là núi (hay đèo) Hải Vân.



Cửa nhìn về phía Huế có gắn biển “Thiên hạ đệ nhất hùng quan” (chụp năm 1918, tư liệu của H.Cossarat).



Tám biển chạm nổi sáu chữ “Thiên hạ đệ nhất hùng quan”. Ảnh: Hải Vân (Nguồn: 700 năm Thuận Hóa – Phú Xuân – Huế, Nguyễn Đắc Xuân, 2009)



Cửa nhìn về phía Đà Nẵng có gắn biển “Thiên hạ đệ nhất hùng quan” (chụp năm 1918, tư liệu của H.Cossarat).

Bài 3:

THUẬN HÓA VẤN THỊ

Noãn yên tịch chiếu luyến giang tân
Tế thính oanh đề xứ xứ xuân
Vấn thị chỉ khan hồng phần nữ
Thông cù bất đoạn ý la trần
Thời cô bạch tửu năng diên khách
Nhật dụng thanh tiền khước tiện dân
Giao dịch khởi vô hành dữ đấu
Hoàn dư phong tục Cát Thiên thuận

Đạo nhân thư

Hải Trung dịch thơ:

CHỢ CHIỀU THUẬN HÓA

Bến chiều khói quyện ẩm dòng xanh
Nghe tiếng xuân tràn giữa giọng oanh
Thiếu nữ lao xao chiều loáng thoáng
Lụa là xúng xính nẻo loanh quanh
Khi mua rượu trắng làm vui khách
Lúc đổi tiền xanh giúp lợi dân
Buôn bán đấu cân, vui chẳng lụy
Cát Thiên tục cũ vẫn còn ngân

Đạo nhân thư

Bài 4:

TAM THAI THỈNH TRIỀU

*Kỳ tú Tam Thai từng bích phong
Trung hư ngoại hữu bạch vân phong
Tự lai Việt hải văn xuân lãng*



Chùa Tam Thai trên núi Tam Thai.

Hình: Gia Trung.

*Như tại Phiên Dương thánh thạch chung
Bất đoạn phong thanh bốn bạch mã
Hoàn nghi vũ sắc khởi thương long
Dục tâm thanh mộng hà tăng khán
Hương triệt nham tiền kỷ thụ tùng*

Đạo nhân thư

Dịch thơ:

NGHE SỐNG TAM THAI

Tam Thai kỳ ảo dựng non xanh
Động vắng ngàn mây trắng phủ quanh

Biển Việt dùng nghe lời sóng vỗ
Thành Phiên dỗi ngóng ý chuông ngân
Liên hồi tiếng gió như vó trắng
Tùng trận màu mưa tựa vẩy xanh
Ước tìm giấc mộng lành chưa thấy
Tùng biếc sườn trên mấy khóm xinh

Đạo nhân thư

Tam Thai còn có tên Thủy Sơn, là một trong năm hòn núi thuộc Ngũ Hành Sơn ở trấn Quảng Nam xưa (nay thuộc thành phố Đà Nẵng), dân địa phương thường gọi là núi Non Nước.

Bài 5:

HÀ TRUNG YÊN VŨ

*Hải khí sơn phong táp táp kinh
Tiệm khan yên thấp tán thiên thanh
Ngư đăng kỷ điểm tri giang ngạn
Lữ khách lạc tiêu thính vũ thanh
Thiền tụng bất văn u khánh vận
Hương tư nan xích cổ nhân tình
Việt Nam diệc hữu Tiêu Tương cảnh
Dục thiển đan thanh tả vị thành*

Đạo nhân thư

Trần Đình Sơn dịch thơ:

MÙ TỎA HÀ TRUNG

Sóng trào gió rét nghĩ mà kinh
Mù tỏa dần tan mây trắng xanh
Bến cũ đèn chài thấp thoáng điểm
Mưa buồn lữ khách lắng thâu canh

Phật kinh không vắng dư âm khánh
Quê cũ ai hay nổi nhớ mình
Việt Nam cũng có Tiêu Tương cảnh
Muốn vẽ mà sao vẽ chẳng thành

Đạo nhân thư

Hà Trung là một đầm nước lớn thuộc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến năm Minh Mạng 15 (1834) thì đổi nhập vào huyện Phú Lộc (thuộc phủ Thừa Thiên). Đây là một vùng đầm phá nước lợ, nổi thông với phá Tam Giang (trải dài từ huyện Phong Điền, qua các huyện Quảng Điền, Hương Trà đến Phú Vang) và đầm Cầu Hai (thuộc huyện Phú Lộc).

VĂN BIA

**BÀI VĂN BIA CỦA NGUYỄN PHÚC CHU
TẠI CHÙA THIÊN MỤ**

(Đoàn Khoách sưu tập, ghi chép, phiên âm, dịch nghĩa)

Phiên âm:

Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu tự đồng thượng chính tông tam thập thế, pháp danh Hưng Long, hiệu Thiên Túng đạo nhân, đỉnh kiến Thuận Hóa Thiên Mụ tự bi ký minh:

Cái văn: khuếch nhiên vô tượng chí đạo hê ngôn, Phật thể tính không, bản nguyên thanh tịnh, chư tướng câu túc nhi giác chiếu viên dung, pháp bất nhị môn, lý quy nhất nghĩa. Thiên diệc toàn hoàn, địa vô trung ngoại. Địa thủy hòa phong, tứ luân tương nhân. Phật tánh hư minh, kỳ thể trạm triệt. Biến Phật thể nhi vi kim sắc giới, kim sắc giới trung hữu hương thủy hải, hương thủy hải trung hữu quang minh tạng. Phục hữu bửu lâm hoa hương di mạn, chu

biển Phật độ, đẳng hằng sa giới, thị nhất quang minh tạng, cư thử quang minh tạng nhi y báo chính báo chi nhân dư? Tri thử nhân giả, tam thân vô hữu sai biệt. Thiên địa đẳng tứ duy vô hữu viễn cận, Phật tánh chúng sanh tánh giai lưu nhập tì lư già na trí tạng chi hải. Nhân hữu huyết mạch, địa hữu quỹ tịch, thương hải chi nam, ngô Việt chi khu yên. Quần sơn điều đệ u tây nam, hồng ba hạo hãn u đông bắc, kim sa vạn bộ dịch hoàn quốc dĩ trường ninh. Ngọc thụ hà sa ẩm hải thiên nhi vĩnh mậu. Ngũ tài phiên thứ, tam thác cao tư, hổ tợ sô ngu, điều nhi tường phụng. Cổ lai tục mỹ, hĩ đắc nhân hòa, hàm tính thiện dĩ vi tông, cánh tâm lương nhi ứng sự. Cư Nho mộ Thích, dĩ chính trị vô bất hành nhân, tín đạo sùng tăng, tựu nhân quả nhi tu chủng phúc. Thừa bình quốc giới, an lạc thân tâm. Nhân tri xử phong ốc hà như phương trượng, trì lương mã hà như chân tích, cảm y diệu thể, bất tự cà sa, kim ngọc doanh đường, bản hoàn hư bạch. Cử thực trần giả, khởi quan phạm thái hương, tích thánh nhạc giả, khởi văn phạm âm hưởng. Tế thử xương kỳ chi thể, hoàn tầm hoan hỉ chi viên. Hữu vi vô vi, tịnh hành bất bội. Kính u tích tuế, tăng duyên đắc pháp đường đầu sư hựu Đại Sán tự Thạch Liêm, nguyện cố hoàng thân, tư tâm miễn thế, y báo vô lượng, đạo khả tam thừa. Tu hành chi hữu tông chỉ, như thủy mộc chi hữu bản nguyên. Phát tích Triết Tây, truyền tâm thiên giới.

Dư, thân thừa bông hát, nhất nhất thủy nhũ tương tư như đích mật phó tâm ấn. Cánh dục chủng tích linh sơn đàn tổ tâm bất miễn. Căng căng nghiệp nghiệp dĩ duy trì. Ngưỡng chất chiêm hốt, dục kiệt ngô tài nhi vị dĩ. Hà đảm hữu nhật, đắc pháp đa niên, nguyện kiến quỳnh lâu kim hành trạch địa tự Thuận Hóa chi thượng du. Loan sơn phụng lĩnh phân chi long chi tây lạc. Xuyên điền quá giáp, kiết nhục phô nhân, hùng khởi phục nhi tả kiết. Lâm giang nhất đột, địa thắng thanh lương. Y cựu quán chi,

Thiên Mục thiên quan, dục đỉnh tân nam thiên chi Phật quốc. Nghi
quyên bạch bích, bất tích hoàng kim. Đản quốc lệ truyền lai, thổ
mộc công quân, vô chi nhi khùng lao bất tỷ Kỳ Chu dân trợ chi
nhi bất nhật. Uẩn diên tuế nguyệt, hạo đại công trình. Gia hữu
cần chánh chi thần, chương cơ đại chương cơ vĩnh chương giám
miên đẳng chức, phó giám tu, tựu quân tuyển trạch, đa trung thủ
thiếu, thiếu trung thủ tinh, dụng kỳ lực nhi thường kỳ công, tín
dĩ thành phu, ân uy tịnh tế. Cưu công đốc tượng kế nhất niên, do
sơn môn nhi thiên vương điện, ngọc hoàng điện, đại hùng bửu
điện, thuyết pháp đường, tàng kinh lâu, lưỡng bàng tắc chung cổ
lâu, thập vương điện, vân thủy đường, tri vị đường, thiên đường,
đại bi điện, dục sư điện, tăng liêu thiên xá bất hạ sở thập sở,
nhi hậu tì da viên nội, phương tượng đẳng xứ hựu bất hạ sở thập
sở, giai kim bích huy hoàng, quan chi giả linh nhân di thần kinh
mục, uyển nhược kim sắc thế giới nhất quan minh tạng dã. Dư
hí chi vô dĩ, quảng tác Phật sự, tăng ư tỳ da viên, nhất nguyệt
nhật thường quan chiêm. Đẳng tư kinh lâu, khoát nhiên khai
thái, tủng mục bằng lan; đông tắc thô nhật huyền không, chiếu
quần sinh nhi dục dục; nam tắc tuần lĩnh thiên trùng, tình loan
đặc bạt đới bạch vân nhi bất tận, trĩ tú sắc dĩ vô cùng, trác lập
văn phong quốc khái văn minh chi trị; tây bắc thương tùng túy
bách, điệp chương như bình, nhược hộ thiên quan; bắc tắc hồi
vọng vương phủ, y y lục trúc ẩn vạn hộ chi danh viên, tập tập
huân phong, phát thiên môn chi tụ lạc. Mục tiền diêu cảnh, hội
sĩ nan đồ; sát nội trang nghiêm, nhân đa chiêm ngưỡng. Dĩ lục
chủng chi thành tựu, dĩ ức vạn chi lưu truyền. Ngẫu ký pháp số
chi khi dã, tùng nhất sát na chí nhất lạc sát, tùng nhất lạc sát chí
nhất câu chi, tùng nhất câu chi chí nhất tăng chi, tùng nhất tăng
chi chí nhất cao xuất, tùng nhất cao xuất chí bất khả chuyển, vô
biên vô ngại, vô ưởng vô cực, thành trú hoại không, không bất

trương lãng, diệu kỳ bất túc, khởi bất viễn hồ?

Tổng chi, hoàn quy thánh đế, chúng đại quang minh, tì quốc gia kiến kim âu chi cổ, quân thần mậu tủng bách chi niên, tú cảnh thanh bình, vạn dân lạc nghiệp, lộ thánh hàm bồ cổ phúc, đường văn phủ sắt đàn cầm, hữu vi nhi nhập vô vi chi pháp. Hóa sắc tự tư nhi hậu, kế vãng khai lai, dĩ pháp pháp nhi tương thừa, xán đăng đăng nhi lãng diễm. Ngô sư dĩ thế, phục vọng cao tăng, phi tượng tích nhi quá ải sơn, giá từ hàng nhi phiếm Việt hải, đồng tuyên diệu kệ, trợ tán tôn phong, Niệm thử thời nhân mộng thâm vị giác, cử bàn kim phủ nhi khai đại hải sơn, vãng bồn lưu chi đồng thủy, phát bửu cảnh chi ai trần, hồ tương lợi ích. Thiêm cứu thiên nhân, nguyện Nguyễn môn viễn cận tôn thân, hàm đăng pháp hội, vĩnh vi phúc chủ, luân tác già lam, nội ngoại thích thuộc, cộng chứng bồ đề, dư thọ vô cương chi tủng, trường phùng đại hữu chi niên, thổ vũ tịch khai, nông thương tịnh tập, binh cường quốc phú, thủ nghiệp an thời, dĩ tu thắng khái, thần thỉnh lập ngôn, thứ chí đạo chi hữu trung, thị nguyện tâm chi vô quyện, tẩu bút ký tiền minh chi vu hậu. Kỳ minh viết:

Việt quốc chi nam hề, Giai thủy giai san.

Bửu sát chi tráng hề, Nhật chiếu thiên quan.

Tính chi thanh tịnh hề, Khê hưởng sần sần.

Quốc chi điện an hề, Tứ cảnh u nhàn.

Vô vi chi hóa hề, Nho Thích đồng bang.

Ký tu thắng khái hề, Nhân quả hồi hoàn.

Kiến tiêu lập đích hề, Thành tồn tà nhàn.

Thì

Vĩnh Thịnh thập nhất niên tuế thứ ất vị sơ đông chi cát
tảo lập.

Dịch nghĩa:

Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu nổi dòng Động Thượng chánh tông đời thứ ba mươi, pháp danh Hưng Long, hiệu Thiên Túng đạo nhân, dựng bia chùa Thiên Mụ ở Thuận Hóa, khắc bài minh như sau:

Tượng nghe: không hình trông trái, đạo cả không lời, Phật thể tính không, nguồn gốc trong lặng. Các tướng đầy đủ, đèn giác viên dung, cửa pháp không hai, lý về một nghĩa. Trời thường xoay chuyển, đất không trong ngoài. Đất nước lửa gió, bốn bánh nương nhau, Phật tính hư sinh, thể là trong suốt. Thể Phật biến thành kim sắc giới, trong kim sắc giới có bể hương thủy, trong bể hương thủy có tạng quang minh. Lại có rừng quý hoa thơm lan tỏa bao khắp cõi Phật, nhiều như số cát sông Hằng. Đó là một tạng quang minh, ở trong tạng quang minh này là cái nhân y báo chính báo ư?

Biết được cái nhân này là ba thân không có sai biệt, trời đất cũng như bốn bên không có xa gần. Tính Phật và tính chúng sinh đều trôi vào bể từ hư giả na trí tạng. Người có huyết mạch, đất vẫn mở dần. Phía nam bể mệnh môn là nơi nước Việt ta đây. Dãy núi chạy dài về tây nam, sóng hồng mệnh môn ở đông bắc, cát vàng dày đặc vây bọc, đất nước được yên hoà, cây ngọc nhơn nhơ, rợp bể trời mà tươi mãi. Năm tài phong phú, ba thác dồi dào, cộp hiền như lân, chim đẹp như phụng, tục thường thuần hậu, người vẫn thuận hòa, lấy thiện tính làm tông chỉ, đem lương tâm ứng việc đời. Ở Nho mà mộ Thích, vì chính trị chỉ cốt làm điều nhân. Tin đạo trọng tăng, theo nhân quả cho nên trồng cây phúc. Đất nước hòa bình, thân tâm vui vẻ. Mối hay ở nhà vàng sao bằng phương trượng, cỡi ngựa tốt sao bằng tích trượng, mặc áo gấm lòe đời chẳng bằng áo cà sa, chứa ngọc vàng đầy tủ rút cục còn tay trắng. Ăn mãi đồ ngon nào hay rau cỏ thơm tho, nghe mãi nhạc

hay nào biết tiếng kinh thẩm thía. Nay gặp thể vận xương minh, lại tìm cảnh vườn hoan hỉ, hữu vi và vô vi cùng thực hành một lượt. Kính nhớ năm xưa đã rước vị sư đắc pháp, húi là Đại Sán tự là Thạch Liêm, lòng nguyện chắc chắn mà rộng sâu, lòng từ bi xót thương người đời. Y báo vô lượng, đạo mở ba thừa, tu hành có tông chỉ như cây có gốc, như nước có nguồn. Ngài phát tích ở tỉnh Triết Tây, được truyền tâm từ nơi thiên giới. Ta được Ngài truyền thụ, chỉ thị mọi điều, mật trao tâm ấn. Lại muốn theo gót linh sơn nhưng thẹn vì tư chất hèn kém, nên lòng lo nơm nớp để duy trì. Đạo rất huyền diệu rần sức làm, muốn thôi mà không được. Gánh vác đã lâu ngày, đắc pháp đã nhiều năm, nguyện xây lầu ngọc tháp vàng, mới chọn được vùng thượng du Thuận Hóa. Non loan núi phụng phân thành chi long đổ về phía tây. Bể ruộng xuyên gò, kết nệm trái chiếu, nhô lên nếp xuống mạnh mẽ rồi kết về bên trái. Bờ sông đột khởi, cảnh quá thanh lương. Y theo cảnh thiên xưa chùa Thiên Mục, lại đổi mới cảnh Phật ở trời Nam, nên bỏ ra một số vàng bạc không quản tốn hao. Nhưng theo quốc lệ lưu truyền, việc thổ mộc nếu để công binh kiêm quản, lại sợ quá ư lao nhọc, chẳng bằng dân Kỳ Chu tự tâm ủng hộ chắc chẳng mấy ngày thành tựu. Chỉ lo công trình to tát, năm tháng kéo dài. May có các quan Chương cơ, Đại Chương cơ ở luôn coi ngó. Lại do trong số binh lính, lựa chọn số ít, ít mà được tinh, dùng sức mà thưởng công, lấy lòng thành mà đưa lòng tin, ân oai cùng có. Khởi công xây đắp kể đã một năm, từ sơn môn đến thiên vương điện, ngọc hoàng điện, đại hùng bửu điện, nhà thuyết pháp, lầu tàng kinh. Hai bên thì lầu chuông lầu trống, thập vương điện, vân thủy đường, trí vị đường, thiên đường, đại bi điện, dược sư điện, tăng liêu thiên xá cũng đến vài mươi sở. Sau lại trong vườn tì da có mấy nhà phương trượng cũng hơn vài mươi sở, toàn là vàng biếc huy hoàng, trông vào khiến người kinh hồn lạ mắt, hình như

một tạng quang minh trong thế giới kim sắc. Ta vui mừng chẳng xiết, hết sức làm việc Phật, thường ở vườn tì da, một tháng đến quan chiêm ít ngày. Bước lên lầu kinh, trong mình thấy khoan khoái. Tựa lon đưa mắt, phía đông thì ác vàng treo cao, soi chúng sinh mà nuôi dưỡng; phía nam thì núi mọc lờm chờm nghìn trùng, có ngọn xanh rờn cao ngất, đội mây trắng tít mù, nên cảnh đẹp không cùng, văn phong sừng sững, trong nước sinh cảnh tượng văn minh; phía tây thì những rừng xanh bách rậm, núi chắn như bức bình phong, che chở cửa chùa; phía bắc thẳng trông vương phủ, cụm tre xanh ngất phủ kín vườn đẹp muôn nhà. Làn gió hây hây lướt khắp xóm làng nghìn cửa. Bao nhiêu cảnh đẹp trước mắt thợ vẽ khôn tô. Cảnh chùa trang nghiêm nhiều người chiêm ngưỡng. Muốn đem sáu chủng thành tựu lưu truyền ra vạn ức người khác. Bổng ghi pháp số bắt đầu, từ một sát na đến lạc sát, từ một lạc sát đến một cu xi, từ một cu xi đến một tăng kỳ, từ một tăng kỳ đến một cao xuất, từ một cao xuất đến chỗ bất khả chuyển, vô biên vô ngại, vô ưỡng vô cực, thành trú hoại không, không chẳng tương lãng, diệu không thể nghĩ, há chẳng lâu xa lắm ư?

Tóm lại, trở về Thánh Đế chứng quả đại quang minh, giúp nước nhà đặt vững âu vàng, vua tôi sống tày từng bách; bốn cõi thanh bình muôn dân lạc nghiệp, ngoài đường nghe tiếng ngậm cơm vỗ bụng hát nghêu ngao, trong nhà nghe tiếng đàn sắt đàn cầm mà dưỡng tính. Đó là phương pháp hữu vi mà đi vào vô vi. Từ đó về sau, kể theo người trước mở đường người sau đem các pháp ra truyền thụ, khêu tỏ thêm ngọn đèn sáng chói. Thầy ta đã quá vãng còn mong theo người bay tích trượng mà vượt ải quan, cõi thuyền từ mà qua bể Việt, cùng tuyên bài diệu kệ tán trợ tôn phong. Nghĩ rằng người thời nay mộng chìm chưa tỉnh, nên đem cái búa mà mở cửa sơn môn kéo lại dòng nước đang chảy dài, lau chùi bụi trần bám gương báu, cùng chung ích lợi. Xét kỹ thiên

nhân, nguyện các tôn thân xa gần nhà Nguyễn, cùng lên pháp hội đòi đòi phúc chúa, chọn làm Già Lam, thích thuộc nội ngoại cùng chứng quả bồ đề, ta nhận lời chúc tụng vô cương, mãi mãi gặp năm phong phú, bờ cõi mở mang thêm, nông thương tấp nập nữa, nước giàu binh mạnh, giữ cơ nghiệp, yên thời thế. Nay đem cái bao la đẹp đẽ này chép thành lời nói, ngõ hầu đạo cả có chứng minh, tỏ bày lòng nguyện không mỗi một, cầm bút chép nhanh bài minh vào sau đây.

Minh rằng:

Miền nam nước Việt Nam ta,
Non sông gấm vóc thật là xinh tươi.
Ngôi chùa hùng tráng bên trời,
Vùng dương rực rỡ rạng soi cửa thiền.
Tĩnh thường thanh tịnh tự nhiên,
Suối tuông róc rách lượn bên chốn này.
Nước nhà bình trị lâu ngày,
Cõi bờ lặng lẽ cỏ cây u nhàn.
Vô vi cảm hóa chứa chan,
Rừng Nho cửa Thích cùng ngang tôn sùng.
Chép ghi tóm tắt đôi dòng,
Lẽ mầu nhân quả theo vòng chuyển xoay.
Dựng tiêu lập đích cho ngay,
Chân thành giữ lại tà tây bỏ trừ.
Nay,
Buổi sáng đầu mùa đông năm Ất Mùi, năm thứ mười
một niên hiệu Vĩnh Thịnh (tức năm 1715).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Nam nhất thống chí*, Quốc sử quán triều Nguyễn.
- Trần Đức Anh Sơn, *Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu và những bài thơ trên đồ sứ kiêu*.
- Hoàng Thị Mai Hương, *Tâm hồn chúa Nguyễn Phúc Chu qua “Tôn phả tiền biên”*.
- Nguyễn Đắc Xuân, *700 năm Thuận Hóa – Phú Xuân – Huế*, NXB Trẻ.
- <http://phongluuqb.com>
- <http://hannom.vass.gov.vn>

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

Nguồn: <http://tongiaovadantoc.com>



Tô đề bài thơ Ải lĩnh xuân vân



Tô đề bài thơ Tam thái thánh triều



Tô đề bài thơ Hà Trung yên vũ

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

Tập 52

CHÚA MINH - CHÚA NINH

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Lê Văn Năm *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập: ĐÀO THỊ TÚ UYÊN

Xử lý bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544 - Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450

Email: info@ybook.vn - Website: www.ybook.vn

**“Duy nguyện phong điều vũ thuận, quốc thái dân an,
pháp giới chúng sinh đồng viên chủng trí.”**

***(Nguyên cầu gió hòa mưa thuận, nước thịnh dân an,
chúng sinh trong pháp giới đều được vẹn toàn trí tuệ.)***

**(Trích bài minh do chúa Nguyễn Phúc Chu viết cho khắc
lên chuông đồng tại chùa Thiên Mụ.)**

